

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PH
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DSST

Ngày 02/02/2021

(V/v Tranh hợp đồng vay tài sản).

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PH, TỈNH HOÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Mạnh và Nguyễn Văn Dũng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Duy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Ph tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST –DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST – DS, ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐ- HPT ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1965

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970

Cùng cư trú tại: Tổ 14, Phường Tân Th, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa Bình.

Bà Nguyễn Thị Th ủy quyền cho ông Th tham gia tố tụng, Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Sỹ S, sinh năm 1965; Có mặt

Nơi cư trú: Xóm Đỉnh C, xã Thu Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình

Người làm chứng:

Chị Bùi Thị X (tên gọi khác Ng), sinh năm 1977, Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm Vai Đ, xã Cao R, huyện Lương S, tỉnh Hòa Bình

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Sỹ S là bạn bè có mối quan hệ thân thiết với nhau. Nên nhiều lần ông Th, bà Th đã tin tưởng và cho ông S vay tiền. Cũng như những lần khác. Ngày 05/10/2017 ông S gọi điện cho bà Nguyễn Thị Th (vợ ông Th) hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng, (vay nóng, thời gian ngắn khoảng 5-6 ngày) không thỏa thuận lãi, để ông S giải quyết việc cá nhân. Ông Th, bà Th đồng ý.

Do bạn nên ông S nhờ ông Th đi công tác tiện thể mang tiền vào nhà cho ông S. Sáng ngày 06/10/2017 bà Th đưa cho ông Th số tiền 30.000.000 đồng để ông Th mang vào cho ông S và trước khi đi bà Th còn dặn ông Th, khi đưa tiền phải đếm lại cẩn thận. Bà Th nói trong số tiền 30.000.000 đồng có hai mệnh giá 200.000 đồng là 20.000.000 đồng và 500.000 đồng là 10.000.000 đồng.

Khoảng 10 giờ ngày 06/10/2017 ông Th vào nhà đưa tiền cho ông S. Tại đây có chị Bùi Thị X (tức Ng) đang ngồi bàn uống nước chứng kiến. Ông Th rút tiền ra và nói: “Th gửi cho ông vay 30.000.000 đồng, ông đếm đi vì tôi chỉ là người cầm lên cho ông vay mà chưa đếm”. Ông S bảo “không phải đếm”, ông Th nói “không được, đồng tiền liền với ruột phải đếm”. Thấy chị X ngồi cạnh, nên ông Th nhờ chị X đếm hộ. Đếm xong chị X nói đủ nên ông Th bảo đưa cho ông S. Ông S trực tiếp nhận tiền cất vào túi áo. Vì tin tưởng ông S nên khi cho vay tiền ông Th, bà Th không lập thành văn bản.

Sau khi vay, bà Th có nhắn tin vào số điện thoại 01277634505 nay là số 0817634505 của ông S với nội dung “Em đã bảo anh Th mang tiền vào cho anh S vay, số tiền 30.000.000 đồng”. Sau khi nhận được tin nhắn, ông S trả lời “ok em”.

Khi vay tiền ông S hứa khi nào ông Th, bà Th đòi thì ông S sẽ trả.

Sau lần đó ít ngày, ông S đến nhà ông Th vay tiếp 1.500.000 đồng và ngày 21/11/2017 ông S đi dự khai trương nhà hàng khói Um cạnh nhà ông Th. Ông S vay 500.000 đồng làm phong bì đi dự khai trương.

Khi vợ chồng ông Th, bà Th cần đến tiền và yêu cầu ông S trả, nhưng ông S đã không thực hiện đúng như cam kết, nhiều lần vợ chồng điện thoại, nhắn tin, lên nhà gặp trực tiếp yêu cầu ông S trả lại tiền, nhưng ông S vẫn không trả.

Vì vậy, ông Th, bà Th làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cao Ph giải quyết buộc ông Nguyễn Sỹ S phải trả cho ông Th, bà Th, tổng số tiền 32.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Th, bà Th rút yêu cầu không buộc ông S phải trả số tiền 2.000.000 đồng mà chỉ yêu cầu ông S trả số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất 9%/năm, tính từ ngày ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 14 tháng 10 năm 2017 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Sỹ S trình bày:

Ông với ông Th và bà Th là mối quan hệ bạn bè chơi với nhau. Còn việc ông Th, bà Th khai ông có vay 32.000.000 đồng của ông Th là không đúng. Ông không

được vay tiền của ông Th, bà Th. Ông S thừa nhận số điện thoại 01277634505, nay là số 0817634505 là thuê bao mang tên ông, còn nội dung tin nhắn liên quan đến việc vay tiền ông S không biết. Tiếp nữa ông Th khai khi vay có người làm chứng chị Bùi Thị X, ông S khẳng định chị X không biết gì và không liên quan gì đến việc vay tiền giữa ông và ông Th.

Tuy nhiên tại phiên tòa ông S thay đổi lời khai: Ông thừa nhận có việc vay tiền, số tiền 30.000.000 đồng của bà Th. Xong số tiền này ông đã trả cho ông Th, bà Th vào khoảng năm 2020, đến nay ông không còn nợ ông Th, bà Th nữa nên ông không đồng ý trả tiền cho ông Th, bà Th.

Người làm chứng: Chị Bùi Thị X (tên gọi khác Ng) trình bày:

Giữa chị, ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Sỹ S là bạn bè chơi với nhau, từ trước không có mâu thuẫn gì. Về thời gian ngày chị X không nhớ, chỉ nhớ khoảng đầu tháng 10/2017 chị được trực tiếp có mặt và chứng kiến việc ông Th cho ông S vay tiền, số tiền 30.000.000 đồng, chị được ông Th nhờ đếm tiền hộ trước khi giao cho ông S, khi đếm đủ 30.000.000 đồng chị đưa lại cho ông S, còn mệnh giá tiền bao nhiêu chị không để ý. Chị cam đoan lời khai của mình là đúng sự thật nếu sai chị chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Ph phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Sỹ S phải trả cho Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Th, số tiền gốc 30.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng và án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Sỹ S trả lại số tiền vay là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Sỹ S cư trú tại: Xóm Đình C, xã Thu Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Ph.

Căn cứ khoản khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng được xác lập kể từ ngày 01/01/2017 thì áp dụng về lãi, lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2015 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Hợp đồng vay tài sản giữa ông Th, bà Th và ông S thực hiện từ tháng 10/2017. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 để giải quyết.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Sỹ S phải trả lại số tiền 30.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy: Xuất phát từ mối quan hệ bạn bè thân thiết với nhau nên rất nhiều lần ông S vay tiền của vợ chồng ông Th, bà Th cũng không có giấy tờ. Cũng như mọi lần ngày 05/10/2017 ông Nguyễn Sỹ S gọi điện thoại cho bà Nguyễn Thị Th (vợ ông Th) hỏi vay số tiền 30.000.000 đồng (vay nóng), thời gian vay khoảng 5-6 ngày để ông S giải quyết công việc. Vì tin tưởng nên khi cho vay, ông Th không được lập thành văn bản. Tuy nhiên, khi giao tiền tại nhà ông S, có người làm chứng chị Bùi Thị X, chị X trực tiếp chứng kiến việc ông Th cho ông S vay số tiền 30.000.000 đồng, không chỉ thế chị X còn là người được nhờ đếm tiền, đếm xong đủ 30.000.000 đồng và đưa lại cho ông S. Sau khi ông Th đưa tiền cho ông S vay, bà Th còn nhắn tin vào số điện thoại của ông S với nội dung tin nhắn: “Em đưa tiền cho anh Th mang sang cho anh rồi nhé 30 triệu” ông S nhận được tin nhắn và trả lời “Ok em”, ngoài ra còn nhiều tin nhắn khác liên quan đến việc vay tiền, đòi tiền giữa ông Th, bà Th và ông S. Kết quả xác minh cho thấy số điện thoại 01277634505 đổi thành 0817634505 là số đã nhận tin nhắn có nội dung liên quan đến việc vay tiền là mạng vinaphone, chủ thuê bao sử dụng là ông Nguyễn Sỹ S, thời điểm từ năm 2017 cho đến nay vẫn là chủ thuê bao ông Nguyễn Sỹ S sử dụng, không thay đổi. Ông S cũng khẳng định số điện thoại trên là của ông. Ngoài ra tại phiên tòa ông S cũng thừa nhận có vay 30.000.000 đồng của bà Th như ông Th đã trình bày, nhưng ông đã trả cho bà Th, ông Th vào khoảng năm 2020. Khi trả có người làm chứng. Tuy nhiên ông S không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả tiền cho ông Th, bà Th. Người làm chứng ông cũng không cung cấp được họ và tên cũng như nơi cư trú. Do đó không có căn cứ chấp nhận ý kiến của ông S về việc ông đã trả đủ tiền cho ông Th, bà Th.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy việc vay tiền giữa ông Th, bà Th với ông S là có thật. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Sỹ S phải trả cho ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th, số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi 9%/năm tính từ tháng 10/2017 đến khi trả xong nợ của nguyên đơn. Nhận thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa ông Th, bà Th và ông S là hợp đồng vay có thời hạn, không thỏa thuận lãi. Căn cứ 466, Điều 468 Bộ luật dân sự

đến thời hạn trả ông S không thực hiện thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật. Phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi 9%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn tính từ ngày 14/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 02/02/2021 là: 39 tháng, 19 ngày. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau:

$30.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 39 \text{ tháng} = 8.775.000 \text{ đồng}$. $30.000.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ ngày} \times 0,025\%/\text{ngày} = 142.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền lãi là: $8.775.000 \text{ đồng} + 142.000 \text{ đồng} = 8.917.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền: gốc $30.000.000 \text{ đồng} +$ lãi $8.917.000 \text{ đồng} = 38.917.000 \text{ đồng}$ (Ba mươi tám triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng).

Như vậy buộc ông Nguyễn Sỹ S phải trả cho ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Th, số tiền: 38.917.000 đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng).

Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Th được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Nguyễn Sỹ S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại cho Nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th.

3. Buộc ông Nguyễn Sỹ S phải trả cho ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th, tổng số tiền 38.917.000 đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng). (trong đó: gốc 30.000.000 đồng, lãi 8.917.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án (tính tiếp theo sau ngày 02/02/2021) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Sỹ S phải chịu 1.946.000đ (một triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Văn Th 800.000đ (tám trăm nghìn

đồng) theo Biên lai thu tiền số: 0003793 ngày 08/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- VKSND huyện Cao Phong
- Chi cục THADS huyện Cao Phong
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hiền

